

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

**Rà soát pháp luật trong nước có liên quan về dân số
với dự thảo Luật Dân số**

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Y tế tiến hành rà soát pháp luật trong nước có liên quan về dân số với dự thảo Luật Dân số để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành, bao gồm các nội dung có liên quan của văn bản rà soát: Hiến pháp 2013, 50 Luật, 03 Nghị quyết của Quốc hội; 01 Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đồng thời tham khảo 20 Nghị định của Chính phủ; 25 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 22 Thông tư, Quyết định, văn bản của Bộ Y tế và Bộ ngành phục vụ việc xây dựng chi tiết dự thảo Luật Dân số.

Kết quả rà soát pháp luật trong nước có liên quan về dân số với dự thảo Luật Dân số như sau:

I. VỀ TÍNH HỢP HIẾN

1. Quốc hội khóa XIII đã thông qua Hiến pháp Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, trong đó có nhiều quy định mới về quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp quy định “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*” (khoản 2, Điều 14). Do vấn đề dân số có liên quan mật thiết đến các quyền, nghĩa vụ của công dân, các quyền con người đã được quy định trong Hiến pháp 2013, nên cần phải có khung pháp lý ở cấp độ luật để quy định những vấn đề này là phù hợp Hiến pháp¹.

2. Quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp được Luật Dân số cụ thể hoá trong các nội dung, bảo đảm nhất quán theo quy định của Hiến pháp, bao gồm

“1. Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

2. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác.

¹ Một trong những quy định liên quan trực tiếp đến quyền con người là quyền sinh sản, quyền được lựa chọn nơi cư trú được quy định tại Pháp lệnh Dân số không còn phù hợp với Hiến pháp năm 2013.

3. Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội.

4. Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”.

3. Luật Dân số thể chế hoá các điều khoản của Hiến pháp:

- Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định” (Điều 23 Hiến pháp)

- Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới (khoản 3 Điều 26 Hiến pháp)

- Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, có chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (khoản 1 Điều 58 Hiến pháp)

- Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em, thực hiện kế hoạch hóa gia đình (khoản 2 Điều 58 Hiến pháp)

II. VỀ SỰ THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ GIỮA DỰ THẢO LUẬT DÂN SỐ VỚI LUẬT, NGHỊ QUYẾT, PHÁP LỆNH THỰC HIỆN VÀ SOÁT

1. Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2022

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội.

Căn cứ tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các Bộ, Cơ quan trung ương (Điều 4); tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Điều 5), trong đó khoản 3 Điều 5 quy định tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: “Căn cứ khả năng ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ cho y tế dự phòng đạt tối thiểu 30% ngân sách y tế, ưu tiên cho y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”, dự thảo Luật Dân số xây dựng quy định về nguồn tài chính đầu tư cho công tác dân số cho phù hợp quy

định của cấp có thẩm quyền.

2. Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

3. Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Để thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14, Nghị quyết 88/2019/QH14, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 Ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg, có 10 dự án thành phần của Chương trình, bao gồm:

Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện

Chương trình

Căn cứ vào chủ trương của Quốc hội, danh mục và nội dung các dự án triển khai, dự thảo Luật Dân số quy định các nội dung về “Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số” để thể chế hoá mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 21-NQ/TW.

4. Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 69/2020/QH14

Khoản 1 Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định cấm “Lôi kéo, dụ dỗ, hứa hẹn, quảng cáo, cung cấp thông tin gian dối hoặc dùng thủ đoạn khác để lừa đảo người lao động; lợi dụng hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để tổ chức xuất cảnh trái phép, mua bán người, bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật”.

Căn cứ quy định này, Luật Dân số quy định hành vi cấm trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình cho phù hợp pháp luật hiện hành.

5. Luật Cư trú 68/2020/QH14

Luật này quy định về việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân Việt Nam trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; việc đăng ký, quản lý cư trú; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân, cơ quan, tổ chức về đăng ký, quản lý cư trú.

Luật Cư trú quy định “*Công dân thực hiện quyền tự do cư trú theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan*” (khoản 1 Điều 4). “*Lựa chọn, quyết định nơi cư trú của mình, đăng ký cư trú phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.*” (khoản 1, Điều 8). Việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân chỉ bị hạn chế trong các trường hợp (khoản 2 Điều 4). Các quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định tại Chương II...

Căn cứ các quy định của Luật Cư trú, Luật Dân số quy định những nội dung liên quan đến phân bố dân số trên cơ sở tôn trọng và thực hiện quyền tự do cư trú của công dân theo Hiến pháp 2013 và Luật Cư trú, đồng thời được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định của pháp luật.

6. Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính 67/2020/QH14

Lĩnh vực dân số điều chỉnh những quan hệ xã hội liên quan đến chủ thể là con người, do đó có sự liên quan mật thiết đến vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính.

Căn cứ nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính, thẩm quyền quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước và chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính và các nội dung khác của Luật, Luật Dân số quy định những hành vi bị cấm làm cơ sở xây dựng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính cho phù hợp với quy định của Luật.

7. Luật Xây dựng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 62/2020/QH14

Luật Xây dựng quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và quản lý nhà nước trong hoạt động đầu tư xây dựng:

“8. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của đồ án quy hoạch xây dựng là chỉ tiêu được dự báo, xác định, lựa chọn làm cơ sở đề xuất các phương án, giải pháp quy hoạch xây dựng bao gồm quy mô dân số, đất đai, chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và môi trường.” (Khoản 8 Điều 3)

“4. Xây dựng công trình không đúng quy hoạch xây dựng, trừ trường hợp có giấy phép xây dựng có thời hạn; vi phạm chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; xây dựng công trình không đúng với giấy phép xây dựng được cấp.” (Khoản 4 Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm)

“- Điều 13. Quy hoạch xây dựng và căn cứ lập quy hoạch xây dựng

1. Quy hoạch xây dựng gồm các loại sau:

- a) Quy hoạch vùng;*
- b) Quy hoạch đô thị;*
- c) Quy hoạch khu chức năng đặc thù;*
- d) Quy hoạch nông thôn.”*

“Điều 14. Yêu cầu và nguyên tắc tuân thủ đối với quy hoạch xây dựng

1. Yêu cầu đối với quy hoạch xây dựng gồm:

a) Phù hợp với mục tiêu của chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững; thống nhất với quy hoạch phát triển ngành; công khai, minh bạch, kết hợp hài hòa giữa lợi ích quốc gia, cộng đồng và cá nhân;

b) Tổ chức, sắp xếp không gian lãnh thổ trên cơ sở khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai, di tích lịch sử, di sản văn hóa và nguồn lực phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đặc điểm lịch sử, văn hóa, trình độ khoa học và công nghệ theo từng giai đoạn phát triển;

c) Đáp ứng nhu cầu sử dụng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; bảo

đảm sự kết nối, thống nhất công trình hạ tầng kỹ thuật khu vực, vùng, quốc gia và quốc tế;

d) Bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tác động bất lợi đến cộng đồng, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, di sản văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo; bảo đảm đồng bộ về không gian kiến trúc, hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật;

đ) Xác lập cơ sở cho công tác kế hoạch, quản lý đầu tư và thu hút đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng các công trình xây dựng trong vùng, khu chức năng đặc thù, khu vực nông thôn.

2. Nguyên tắc tuân thủ đối với quy hoạch xây dựng gồm:

a) Việc thực hiện chương trình, hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan phải tuân thủ quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt và phù hợp với nguồn lực huy động;

b) Cấp độ quy hoạch xây dựng phải bảo đảm thống nhất và phù hợp với quy hoạch có cấp độ cao hơn.”

- c) Dự báo quy mô dân số vùng, nhu cầu về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho từng giai đoạn phát triển;” (Điểm c Khoản 1 Điều 23, Nhiệm vụ và nội dung đề án quy hoạch xây dựng vùng)

- “b) Xác định tính chất, dự báo quy mô dân số của khu chức năng đặc thù, yêu cầu về định hướng phát triển không gian, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho từng giai đoạn quy hoạch; (Điểm c Khoản 1 Điều 26, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù).

“a) Nội dung đề án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù bao gồm việc xác định chức năng sử dụng cho từng khu đất; nguyên tắc tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan cho toàn khu vực lập quy hoạch; chỉ tiêu về dân số, sử dụng đất, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đối với từng lô đất; bố trí hệ thống công trình hạ tầng xã hội phù hợp với nhu cầu sử dụng; bố trí mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật đến các trục đường phố phù hợp với các giai đoạn phát triển của toàn khu chức năng đặc thù; đánh giá môi trường chiến lược;” (Điểm a Khoản 2 Điều 27)

“a) Nội dung đề án quy hoạch chi tiết xây dựng gồm việc xác định chỉ tiêu về dân số, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cho toàn khu vực quy hoạch; bố trí công trình hạ tầng xã hội phù hợp với nhu cầu sử dụng; yêu cầu về kiến trúc công trình đối với từng lô đất, thiết kế đô thị; bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đến ranh giới lô đất; đánh giá môi trường chiến lược;” (Điểm a Khoản 2 Điều 28).

“1. Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã gồm mục tiêu, phạm vi ranh

giới xã; tính chất, chức năng của xã; xác định yếu tố tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của xã; dự báo quy mô dân số, lao động; quy mô đất đai, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu; yêu cầu về nguyên tắc tổ chức phân bố khu chức năng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, nhà ở, dịch vụ và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật. (Khoản 1 Điều 30, quy hoạch chung xây dựng xã)

“1. Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn gồm dự báo quy mô dân số, lao động; quy mô đất đai; yêu cầu sử dụng đất bố trí các công trình xây dựng, bảo tồn, chỉnh trang; công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong điểm dân cư nông thôn.” (Khoản 1 Điều 31, quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn)

“b) Có thay đổi về điều kiện địa lý tự nhiên, địa giới hành chính, biến động lớn về dân số và kinh tế - xã hội.” (Điểm b Khoản 1 Điều 35, điều kiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng)

Như vậy, chỉ tiêu về dân số, quy mô dân số được đưa vào cho từng nội dung trong thực hiện quy hoạch về xây dựng trong Luật Xây dựng, từ khi xây dựng đồ án quy hoạch đến đồ án quy hoạch vùng; đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù, nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã, nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn.

Dự thảo Luật Dân số quy định một chương về lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung vào quy định nguyên tắc lồng ghép, nội dung các yếu tố thực hiện lồng ghép, quy trình thực hiện lồng ghép, quy định về báo cáo và trách nhiệm thực hiện lồng ghép, các quy định này không trái với quy định của Luật Xây dựng.

8. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020

Luật Đầu tư công quy định việc quản lý nhà nước về đầu tư công; quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công. Luật Đầu tư quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài.

Trong dự thảo Luật Dân số quy định một số nội dung liên quan đến quy định về đầu tư, đầu tư công của nhà nước cho hoạt động của công tác dân số như: chính sách đầu tư, khuyến khích thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đầu tư và phát triển mạng lưới y tế cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dịch vụ dân số; chính sách đầu tư, khuyến khích mở rộng mạng lưới tầm soát, chẩn đoán và

điều trị vô sinh đến y tế cơ sở; phát triển các trung tâm hỗ trợ sinh sản ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở cung cấp biện pháp tránh thai trong và ngoài công lập; chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, chuyên dịch cơ cấu kinh tế để thu hẹp khoảng cách phát triển; chính sách đầu tư mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; chính sách đầu tư mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn, tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh và sơ sinh; đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu về dân số và phát triển...

Việc rà soát giúp các quy định trong dự thảo Luật Dân số liên quan đến đầu tư và đầu tư công không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công; các ngành, nghề nghiêm cấm đầu tư, kinh doanh trong Luật Đầu tư và trong quá trình thực hiện theo quy định của các Luật trên.

9. Luật Thanh niên số 57/2020/QH14 ngày 16/6/2020

Luật Thanh niên quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thanh niên; chính sách của Nhà nước đối với thanh niên; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thanh niên, tổ chức khác, cơ sở giáo dục, gia đình và cá nhân đối với thanh niên; quản lý nhà nước về thanh niên. Trong Luật này có những quy định liên quan đến các nội dung DS-KHHGD: phòng, chống HIV/AIDS; thực hiện pháp luật về DS-KHHGD; giáo dục SKSS, thực hiện các biện pháp để nâng cao thể chất, trí tuệ và tinh thần (biện pháp góp phần nâng cao chất lượng dân số);...

Nội dung có liên quan đến công tác DS-KHHGD được quy định trong Luật Thanh niên

Điều 15. Trách nhiệm đối với bản thân

4. Rèn luyện, bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần; trang bị kiến thức, kỹ năng sống, kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, phòng, chống bệnh tật; không lạm dụng rượu, bia; hạn chế sử dụng thuốc lá; không sử dụng ma túy, chất gây nghiện và chất kích thích khác mà pháp luật cấm; phòng, chống tác hại từ không gian mạng.

Điều 19. Chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe

1. Tư vấn, hỗ trợ nâng cao sức khỏe cho thanh niên; phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực học đường, xâm hại tình dục; phòng, chống ma túy, HIV/AIDS; phòng ngừa bệnh lây truyền qua đường tình dục, bệnh xã hội khác và các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất, tinh thần của thanh niên.

2. Bảo đảm cho thanh niên được cung cấp thông tin, tiếp cận dịch vụ thân thiện về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, cung cấp dịch vụ y tế, chăm sóc

sức khỏe cho thanh niên.

Điều 33. Trách nhiệm của tổ chức kinh tế

1. Bảo đảm môi trường, điều kiện làm việc an toàn; cung cấp đầy đủ kiến thức, thông tin về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động là thanh niên.

2. Quan tâm chăm lo đời sống của người lao động là thanh niên; hỗ trợ để người lao động là thanh niên được học tập, tham gia hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

Điều 34. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

... 2. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh; thực hiện các biện pháp phòng, chống bạo lực học đường và xâm hại tình dục cho thanh niên.

... 4. Tư vấn tâm lý về các vấn đề xã hội, tâm lý học đường; giáo dục kỹ năng sống, kiến thức chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới tính, kỹ năng phòng, chống các bệnh học đường và tệ nạn xã hội cho thanh niên.

- Trong dự thảo Luật Dân số có các quy định về tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình cho nam, nữ trước khi kết hôn; phòng tránh vô sinh, hỗ trợ sinh sản cho cặp vợ chồng, cá nhân trong độ tuổi sinh đẻ; quyền lựa chọn, sử dụng biện pháp tránh thai phù hợp của cặp vợ chồng, cá nhân trong độ tuổi sinh đẻ, ngoài ra có quy định một điều về cung cấp dịch vụ thân thiện về kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản cho người chưa thành niên mà trong Luật Thanh niên chưa quy định và không trùng lặp với Luật này.

10. Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 và Luật Viên chức số 58/2010/QH12; Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức

Trong giai đoạn hiện nay, Bộ Y tế là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ về công tác dân số. Cơ quan tham mưu, giúp việc cho Bộ Y tế về công tác này trực tiếp là Tổng cục DS-KHHGDĐ đình. Tuy nhiên, tổ chức bộ máy làm công tác DS-KHHGDĐ tại địa phương còn nhiều khó khăn, bất cập. Tổ chức bộ máy nhiều thay đổi; quá trình củng cố kéo dài. Từ năm 2011, khi đã bước vào thời kỳ quá độ dân số (chuyển từ dân số trẻ sang dân số vàng và già hóa dân số), chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của bộ máy DS-KHHGDĐ vẫn chưa được điều chỉnh phù hợp. Các nội dung về dân số và phát triển thuộc chức năng quản lý nhà nước của nhiều cơ quan nhưng chưa có cơ chế phối hợp chặt chẽ. Ở tuyến huyện việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, thu gọn đầu mối các đơn vị là chủ trương các tỉnh đang thực hiện theo Nghị quyết 19-NQ/TW của trung ương cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến lực lượng làm công tác dân số. Đội ngũ cán bộ, cộng

tác viên dân số chủ yếu mới được đào tạo tập huấn về DS-KHHGD, chưa được đào tạo, cập nhật kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung dân số và phát triển. Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ chuyên trách ở cấp cơ sở và cộng tác viên dân số còn thấp.

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Dân số quy định nội dung xây dựng, phát triển đội ngũ làm công tác dân số; Nâng cao năng lực hệ thống làm công tác dân số để đáp ứng nguồn nhân lực làm công tác dân số trong tình hình mới.

11. Bộ Luật Lao động 45/2019/QH14

Trong Bộ luật Lao động năm 2019, những vấn đề liên quan đến lao động nữ mang thai, chế độ thai sản, bảo đảm việc làm, trợ cấp trong thời gian chăm sóc con ốm đau, thai sản và thực hiện các biện pháp tránh thai đối với lao động nữ được quy định cụ thể nhằm đảm bảo lao động nữ được làm mẹ an toàn, thực hiện các biện pháp tránh thai, chăm sóc sức khỏe sinh sản và quyền sinh sản... (Điều 137 đến Điều 142). Bộ luật Lao động 2019 cũng có những quy định riêng đối với nhóm dân số đặc thù bao gồm: Lao động chưa thành niên (Điều 143 đến 144); người lao động cao tuổi (Điều 148 và 149); Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, lao động cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (từ Điều 150 đến 157); lao động là người khuyết tật (từ Điều 158 đến 160); Lao động là người giúp việc gia đình (từ Điều 161 đến 165) và một số lao động khác.

Trong dự thảo Luật Dân số có một số quy định về điều chỉnh, đảm bảo cơ cấu dân số hợp lý; tận dụng hiệu quả lợi thế của thời kỳ cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hoá dân số, dân số già; quy định tạo môi trường cho cho người cao tuổi có điều kiện làm việc phù hợp với với nhu cầu, sức khỏe, trình độ và nhu cầu thị trường...

12. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14

Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia có một số quy định nhằm làm giảm tác hại của rượu bia đối với sức khỏe như:

“Điều 22. Phòng ngừa, can thiệp và giảm tác hại của việc uống rượu, bia đối với sức khỏe

1. Các biện pháp phòng ngừa, can thiệp và giảm tác hại của việc uống rượu, bia đối với sức khỏe bao gồm:

a) Tư vấn về phòng, chống tác hại của rượu, bia cho người đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế;

b) Sàng lọc, phát hiện sớm yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe của người uống rượu, bia; người mắc bệnh, rối loạn chức năng do uống rượu, bia; người

nghiện rượu, bia;

c) Can thiệp giảm tác hại cho người có yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe, phụ nữ mang thai có hội chứng hoặc nguy cơ ngộ độc rượu ở thai nhi; phòng, chống nghiện và tái nghiện rượu, bia;

d) Chẩn đoán, điều trị, phục hồi chức năng cho người mắc bệnh, rối loạn chức năng có liên quan đến uống rượu, bia.”

Tác hại của rượu, bia đối với sức khỏe: Bằng chứng khoa học quốc tế cho thấy rượu, bia là nguyên nhân trực tiếp của ít nhất 30 bệnh, chấn thương và là nguyên nhân gián tiếp của ít nhất 200 loại bệnh tật nằm trong danh mục phân loại bệnh tật quốc tế ICD10 (một số tên bệnh đã có từ rượu như loạn thần do rượu, xơ gan do rượu, hội chứng rượu bào thai...), là một trong 4 yếu tố nguy cơ chính gây ra các bệnh không lây nhiễm. Sử dụng rượu, bia gây tổn thương đến nhiều cơ quan, chức năng của cơ thể như: gây ung thư (gan, khoang miệng, họng, thanh quản, thực quản, tụy, thận, đại - trực tràng, vú); gây rối loạn tâm thần kinh (loạn thần, trầm cảm, rối loạn lo âu, giảm khả năng tư duy); bệnh tim mạch (nhồi máu cơ tim, đột quy); bệnh tiêu hóa (tổn thương gan, xơ gan, viêm tụy cấp tính hoặc mạn tính); ảnh hưởng tới chất lượng giống nòi và phát triển bào thai; suy giảm miễn dịch... Nếu so với hút thuốc lá thì các hệ lụy về mặt xã hội do sử dụng rượu, bia gây ra nghiêm trọng hơn nhiều, bao gồm: tai nạn giao thông, chấn thương, bạo lực gia đình, mất an ninh trật tự, gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Nhiều hộ gia đình Việt Nam đang đối mặt với các vấn đề liên quan đến rượu, bia: 11% hộ gia đình xảy ra bạo lực gia đình mà nạn nhân chủ yếu là phụ nữ, người già và trẻ em. Tỷ lệ trẻ em Việt Nam chịu tác hại từ việc sử dụng rượu, bia của người khác thuộc nhóm 2 nước cao nhất. Tác hại từ việc sử dụng rượu, bia của người lớn đối với trẻ em phổ biến hơn ở các hộ gia đình ở nông thôn, thu nhập thấp và có người sử dụng nhiều rượu, bia. Phụ nữ và trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số đang là đối tượng gánh chịu tác hại từ việc sử dụng rượu, bia, trong đó người dân tộc thiểu số chịu hậu quả cao gấp 3 đến 4 lần so với người Kinh.

Do vậy cũng giống như Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá, việc dẫn thực hiện Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng dân số nêu trong dự thảo Luật dân số, thông qua việc giảm thiểu tác động gây hại đến sức khỏe của người dân.

13. Luật Giáo dục 43/2019/QH14

Luật Giáo dục xác định mục tiêu của nền giáo dục hướng tới là “*Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá*

nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.”

Có thể thấy trong Luật Giáo dục năm 2019 những quy định liên quan đến giáo dục dân số trong hệ thống giáo dục quốc dân không được đề cập đến trong Luật này, do vậy dự thảo Luật Dân số quy định một số nội dung về biện pháp ngăn chặn việc lựa chọn giới tính thai nhi bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh theo quy luật sinh sản tự nhiên; hình thức tuyên truyền vận động, truyền thông, giáo dục về dân số vào *chương trình giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân và thực hiện giáo dục trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, tại gia đình, cộng đồng và xã hội.*

Theo quy định tại Điều 14 Luật Giáo dục “*Giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc. Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở.*” Tuy nhiên qua khảo sát thực tế tại các tỉnh có mức sinh thấp, đặc biệt là trong các khu công nghiệp, khu kinh tế con của công nhân làm việc trong khu vực này chưa được tiếp cận đầy đủ quy định của Luật Giáo dục, do vậy nhằm hỗ trợ con của cặp vợ chồng cam kết sinh đủ hai con tại tỉnh có mức sinh thấp, dự thảo Luật Dân số quy định biện pháp điều chỉnh mức sinh theo hướng trẻ em là con của cặp vợ chồng cam kết sinh đủ hai con được nhà nước ưu tiên học tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học công lập; miễn học phí khi theo học trung học cơ sở công lập.

14. Luật Quy hoạch 21/2017/QH14

Luật Quy hoạch quy định bổ sung quy hoạch mạng lưới cơ sở, thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch; trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch, gồm:

“Điều 14. Thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch

1. Chính phủ tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

2. Thủ tướng Chính phủ tổ chức lập quy hoạch vùng.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch tỉnh.

Điều 49. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch

1. Đánh giá thực hiện quy hoạch được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo tiêu chí đánh giá do Chính phủ quy định.

2. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch được quy định như sau:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch vùng;

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá thực hiện quy hoạch không

gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ đánh giá thực hiện quy hoạch ngành quốc gia theo thẩm quyền;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá thực hiện quy hoạch tỉnh.

3. Cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia gửi báo cáo đánh giá đến Chính phủ. Trường hợp cần thiết, Chính phủ báo cáo Quốc hội.

Cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh gửi báo cáo đến Thủ tướng Chính phủ.

Điều 57. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến hoạt động quy hoạch

6. Bổ sung khoản 5 vào Điều 82 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 như sau:

“5. Quy hoạch hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành được tích hợp vào quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia; quy hoạch hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của địa phương được tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.”.

Trong dự thảo Luật Dân số quy định nội dung lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội không trái với quy định của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14.

15. Luật Trợ giúp pháp lý 11/2017/QH14

Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý quy định người được trợ giúp pháp lý bao gồm:

1. Người có công với cách mạng.

2. Người thuộc hộ nghèo.

3. Trẻ em.

4. Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

6. Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo.

7. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính:

- a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ;
- b) Người nhiễm chất độc da cam;
- c) Người cao tuổi;
- d) Người khuyết tật;
- đ) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự;
- e) Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;
- g) Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;
- h) Người nhiễm HIV.”

Để thích ứng với già hoá dân số, dân số già, Luật Dân số quy định nhiều biện pháp thực hiện, trong đó nhấn mạnh quy định cơ quan, tổ chức có hình thức tư vấn, trợ giúp pháp lý phù hợp với người cao tuổi. Đối với các đối tượng khác thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

16. Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13

Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định miễn thuế tại Điều 16. Theo đó, nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được của dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế được ưu tiên nghiên cứu, chế tạo được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất (khoản 14, Điều 16).

- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định về ưu đãi về thuế xuất như sau:

“Điều 13. Ưu đãi về thuế suất

2. Áp dụng thuế suất 10% đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường;”

Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của công tác dân số trong tình hình mới đòi hỏi nguồn lực bảo đảm để thực hiện, bao gồm cả nguồn kinh phí xã hội hoá. Trong bối cảnh nguồn lực Nhà nước còn hạn chế, xuất phát từ yêu cầu thực hiện toàn diện các chính sách, mục tiêu dân số, Luật Dân số quy định về xã hội hóa hoạt động dân số như là một giải pháp hiệu quả trong huy động nguồn lực.

Nhằm tạo ra cơ chế để huy động nguồn xã hội hoá, Nhà nước khuyến

khích, tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, đóng góp công sức, tài sản cho công tác dân số, đồng thời ưu đãi về thuế theo quy định của luật thuế cho việc nhập khẩu, sản xuất một số thiết bị, phương tiện, hàng hóa trong nước chưa sản xuất được hoặc để đáp ứng nhu cầu dịch vụ dân số trong nước.

17. Luật Dược số 105/2016/QH13

Luật Dược quy định về chính sách của Nhà nước về dược và phát triển công nghiệp dược; hành nghề dược; kinh doanh dược; đăng ký, lưu hành, thu hồi thuốc và nguyên liệu làm thuốc; dược liệu và thuốc cổ truyền; đơn thuốc và sử dụng thuốc; thông tin thuốc, cảnh giác dược và quảng cáo thuốc; dược lâm sàng; quản lý thuốc trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; thử thuốc trên lâm sàng và thử tương đương sinh học của thuốc; quản lý chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc và quản lý giá thuốc.

“32. Thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng là thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. (Khoản 32 Điều 1)

* Ngoài ra, Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ quy định về quản lý trang thiết bị y tế

“1. Trang thiết bị y tế là các loại thiết bị, dụng cụ, vật liệu, vật tư cấy ghép, thuốc thử và chất hiệu chuẩn in vitro, phần mềm (software) được sử dụng riêng lẻ hay phối hợp với nhau theo chỉ định của chủ sở hữu trang thiết bị y tế để phục vụ cho con người nhằm một hoặc nhiều mục đích sau đây:

... d) Kiểm soát sự thụ thai;” (Điều 2)

Trong dự thảo Luật Dân số quy định một điều khoản có dẫn chiếu đến quy định pháp luật về dược, trang thiết bị y tế như: Phương tiện tránh thai (quy định cấm liên quan đến sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, cung cấp, mua, bán phương tiện tránh thai; quy định quản lý, cung cấp, sử dụng phương tiện tránh thai cho một số đối tượng); Kiểm soát, quản lý dịch vụ phá thai

Các nội dung quy định trong dự thảo Luật Dân số phù hợp và không trùng lặp với quy định của Luật Dược, quy định về quản lý trang thiết bị y tế.

18. Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13

Luật Tiếp cận thông tin quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Luật quy định nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin là:

“1. Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc

thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

2. Thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ.

3. Việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

4. Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

5. Việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác.

6. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin.”

Đồng thời, Luật cũng quy định chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin (*Công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật này*); quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin; phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin ...

Căn cứ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Luật Dân số quy định những nội dung liên quan đến biện pháp thực hiện công tác dân số như người sử dụng lao động có trách nhiệm tạo điều kiện để người lao động được tiếp cận thông tin, sử dụng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; cặp vợ chồng, cá nhân được cung cấp thông tin, tiếp cận, lựa chọn, sử dụng các biện pháp kế hoạch hoá gia đình; bảo đảm người dân, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em và người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng với các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin và thụ hưởng thành quả của phát triển; thực hiện các mô hình cung cấp thông tin, tiếp cận các dịch vụ dân số cho cặp vợ chồng, người chưa thành niên, thanh niên tại khu công nghiệp và khu kinh tế; nội dung tuyên truyền vận động, truyền thông, giáo dục về dân số; thông tin số liệu dân số phục vụ lồng ghép các yếu tố dân số...

19. Luật Trẻ em số 102/2016/QH13

Luật Trẻ em quy định về quyền, bổn phận của trẻ em; nguyên tắc, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em. Trong đó, Luật quy định về chính sách, biện pháp và trách nhiệm thực hiện tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, như:

“4. Nhà nước có chính sách, biện pháp tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều

trị trước sinh và sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong trẻ em, đặc biệt là tử vong trẻ sơ sinh; xóa bỏ phong tục, tập quán có hại, ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ em.” (Khoản 4 Điều 43)

“2. Hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi; chăm sóc và tư vấn sức khỏe, tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; tư vấn, hỗ trợ trẻ em chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với độ tuổi.” (Khoản 2 Điều 84)

“4. Phụ nữ mang thai có trách nhiệm tiếp cận dịch vụ y tế để được tư vấn sàng lọc, phòng ngừa các bệnh tật bẩm sinh cho trẻ em.” (Khoản 4 Điều 98)

Để thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng dân số, Luật Dân số quy định cụ thể các nội dung về tầm soát, chẩn đoán điều trị trước sinh và sơ sinh; nâng cao chất lượng dân số tại cộng đồng.

20. Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13

Một số quy định của Luật Dân số có liên quan đến quy định của Bộ Luật Dân sự:

- Quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình: Bộ Luật Dân sự quy định tại Điều 39:

“1. Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn, quyền bình đẳng của vợ chồng, quyền xác định cha, mẹ, con, quyền được nhận làm con nuôi, quyền nuôi con nuôi và các quyền nhân thân khác trong quan hệ hôn nhân, quan hệ cha mẹ và con và quan hệ giữa các thành viên gia đình.

Con sinh ra không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân của cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với cha, mẹ của mình.

2. Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật hôn nhân và gia đình và luật khác có liên quan.”

Căn cứ quy định này, Luật Dân số quy định về tư vấn, hỗ trợ kết hôn, theo đó nam, nữ được tư vấn, hỗ trợ kết hôn theo nguyên tắc tự nguyện; quy định về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn

- Bộ luật Dân sự quy định về người chưa thành niên (Điều 21):

“1. Người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi.

2. Giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi do người đại diện theo pháp luật của người đó xác lập, thực hiện.

3. Người từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, trừ giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi.....”

Căn cứ quy định này, Luật Dân số quy định người chưa thành niên mà phá thai thì phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật. Quy định như vậy phù hợp với quy định của Bộ Luật Dân sự về người chưa thành niên.

21. Luật Thống kê số 89/2015/QH13

Luật quy định về hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê nhà nước; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê nhà nước; tổ chức thống kê nhà nước và hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê ngoài thống kê nhà nước. Luật Thống kê quy định cơ sở dữ liệu thống kê về dân số là cơ sở dữ liệu thống kê do cơ quan thống kê trung ương quản lý được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53.

Căn cứ quy định của Luật chuyên ngành, Luật Dân số quy định về thông tin số liệu dân số phục vụ lồng ghép các yếu tố dân số, đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin thống kê nói chung và yêu cầu về thông tin số liệu dân số phục vụ lồng ghép nói riêng.

22. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13

Luật Ngân sách nhà nước quy định về lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, giám sát ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

Đối tượng áp dụng của Luật bao gồm:

- “1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.*
- 2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao.*
- 3. Các đơn vị sự nghiệp công lập.*
- 4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.”*

Căn cứ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước, nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước và trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân về ngân sách nhà nước và các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, dự thảo Luật Dân số quy định những nội dung có liên quan đến nguồn tài chính đầu tư cho công tác dân số, bảo đảm các quy định này phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

23. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13

Căn cứ quy định nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây

dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Dân số xây dựng các quy phạm pháp luật, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về:

1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Luật Dân số.
2. Nội dung của dự thảo Luật Dân số và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau; việc giao và chuẩn bị văn bản quy định chi tiết (nếu có).
3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật Dân số với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật Dân số với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
4. Tính khả thi của các quy định trong dự thảo Luật Dân số.
5. Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Luật Dân số.
6. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật Dân số.
7. Ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

Ngoài ra, căn cứ khoản 3 Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “*Không quy định chương riêng về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm trong văn bản quy phạm pháp luật nếu không có nội dung mới*”, Luật Dân số quy định nội dung khen thưởng, xử lý vi phạm, kiểm tra, thanh tra, khiếu nại, tố cáo về dân số để phù hợp với đặc thù công tác dân số và việc triển khai công tác dân số trong tình hình mới.

24. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13

Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về đơn vị hành chính và tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính. Căn cứ quy định của Luật về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương; phân quyền, phân cấp cho chính quyền địa phương, Luật Dân số quy định cho phù hợp, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ về trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Chính phủ; trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Bộ Y tế; trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Bộ, cơ quan ngang Bộ để phù hợp với quy định của pháp luật, chức năng, nhiệm vụ được giao; bảo đảm cơ chế và biện pháp phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật về dân số. Đồng thời Luật Dân số có căn cứ để quy định trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp về công tác dân số.

25. Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13

Điều 14 Luật Tổ chức Chính phủ quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong quản lý y tế, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân và dân số như sau:

“1. Thống nhất quản lý nhà nước về y tế, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân và dân số.

2. Đầu tư, phát triển nhân lực y tế có chất lượng ngày càng cao; phát triển nền y tế Việt Nam theo hướng kết hợp y tế dự phòng và khám bệnh, chữa bệnh, kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền; phát triển công nghiệp dược theo hướng hiện đại, cung ứng đủ thuốc và trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân.

3. Tạo nguồn tài chính y tế bền vững để bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân dựa trên thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

4. Xây dựng chính sách chăm sóc sức khỏe của Nhân dân trình Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện các chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Thống nhất quản lý và thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình. Duy trì quy mô và cơ cấu dân số hợp lý, nâng cao chất lượng dân số và phân bố dân cư phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của cả nước.”

Chương III Luật quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ. Chương IV Luật quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ...

Căn cứ những quy định này để Luật Dân số quy định những vấn đề về: Nội dung quản lý nhà nước về công tác dân số; trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Chính phủ; trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Bộ Y tế; trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Bộ, cơ quan ngang Bộ. Đồng thời có căn cứ để quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, thẩm quyền trong việc quản lý nhà nước, ban hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ về công tác dân số.

26. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 75/2015/QH13

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có vai trò to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước nói chung và công tác dân số nói riêng.

Để góp phần đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân

chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Luật Dân số quy định nội dung về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận về công tác dân số.

Những nội dung này phù hợp với quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc:

“1. Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

2. Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

4. Tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước.

5. Thực hiện giám sát và phản biện xã hội.

6. Tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước.

7. Thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân.”

27. Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13

Mục tiêu chung của giáo dục nghề nghiệp là nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

Để tận dụng hiệu quả lợi thế của thời kỳ cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số, dân số già, Luật Dân số quy định Nhà nước ưu tiên thực hiện chính sách, biện pháp tăng tối đa số lượng việc làm, nâng cao tỉ lệ lao động được đào tạo, cải thiện chất lượng việc làm để phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng và phát triển khoa học, công nghệ thông qua các chiến lược, chương trình, dự án về giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước và các lĩnh vực liên quan; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động; người lao động có trách nhiệm nâng cao trình độ kỹ năng, tay nghề, thích ứng với sự phát triển của khoa học, công nghệ. Nhà nước; cơ quan, tổ chức có chương trình, dự án đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động trước khi là người cao tuổi phù hợp với nhu cầu, sức khỏe, trình độ, năng lực và nhu cầu thị trường.

28. Luật Nhà ở số 65/2014/QH13

Luật Nhà ở quy định chính sách phát triển nhà ở; đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội như sau:

“Điều 13. Chính sách phát triển nhà ở

1. Nhà nước có trách nhiệm tạo quỹ đất ở thông qua phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng đặc thù, quy hoạch xây dựng nông thôn.

2. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách về quy hoạch, đất đai, tài chính, tín dụng, về nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, vật liệu xây dựng mới để đầu tư cải tạo, xây dựng lại các nhà chung cư bị hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ, không bảo đảm an toàn cho người sử dụng và khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia phát triển nhà ở để cho thuê, cho thuê mua, bán theo cơ chế thị trường”.

“Điều 49. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

Các đối tượng sau đây nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 51 của Luật này thì được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội:

1. Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

2. Hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn;

3. Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu;

4. Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;

5. Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp;

6. Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân;

7. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

8. Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 81 của Luật này;

9. Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập;

10. Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá

đỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.”

- Để thực hiện mục tiêu chính sách dân số, Luật Dân số quy định các biện pháp khuyến khích sinh đủ hai con tại tỉnh có mức sinh thấp. Theo đó, dự thảo Luật quy định “*Các cặp vợ chồng sinh đủ hai con có cam kết không sinh thêm con được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở*”. Như vậy, ngoài 10 đối tượng như quy định của Luật Nhà ở được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, trường hợp quy định này được Quốc hội thông qua sẽ phải bổ sung đối tượng là “*Các cặp vợ chồng sinh đủ hai con có cam kết không sinh thêm con tại vùng mức sinh thấp*” tại Điều 49 Luật Nhà ở.

- Để bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số, phân bố dân số hợp lý, căn cứ vào định hướng nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 21-NQ/TW; chính sách phát triển nhà ở của Luật Nhà ở, dự thảo Luật Dân số quy định một số biện pháp sau đây: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; bảo đảm người dân, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em và người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng với các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin và thụ hưởng thành quả của phát triển...

29. Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13

Luật Hộ tịch quy định về hộ tịch; quyền, nghĩa vụ, nguyên tắc, thẩm quyền, thủ tục đăng ký hộ tịch; Cơ sở dữ liệu hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch (*Điều 1*).

Dự thảo Luật Dân số quy định thông tin số liệu dân số phục vụ lồng ghép các yếu tố dân số. Theo đó, Luật quy định thông tin số liệu dân số phục vụ lồng ghép được khai thác từ Kho dữ liệu chuyên ngành dân số và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu thống kê và cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan qua việc xử lý chuẩn hóa dữ liệu sẵn có về các yếu tố dân số. Các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu thống kê và cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan có trách nhiệm chia sẻ, kết nối với Kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

30. Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13

Luật Căn cước công dân quy định về căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; quản lý, sử dụng thẻ Căn cước công dân; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Dự thảo Luật Dân số quy định thông tin số liệu dân số phục vụ lồng ghép các yếu tố dân số. Theo đó, Luật quy định thông tin số liệu dân số phục vụ lồng ghép được khai thác từ Kho dữ liệu chuyên ngành dân số và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu thống kê và cơ sở dữ liệu

chuyên ngành liên quan qua việc xử lý chuẩn hóa dữ liệu sẵn có về các yếu tố dân số. Các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu thống kê và cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan có trách nhiệm chia sẻ, kết nối với Kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

31. Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13

- Luật Bảo hiểm xã hội quy định các nội dung về thực hiện KHHGD, như: Điều 31. Điều kiện hưởng chế độ thai sản; Điều 34. Thời gian quy định chế độ bảo hiểm đối với lao động nữ mang thai, sinh con và thực hiện hưởng chế độ khi sinh con; Điều 35. Chế độ thai sản của lao động nữ mang thai hộ và người mẹ nhờ mang thai hộ; Điều 37. Thời gian hưởng chế độ khi thực hiện các biện pháp tránh thai; Điều 38. Trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi; Điều 40. Lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con; Điều 41. Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản,”.

- Để thích ứng với già hoá dân số, dân số già, dự thảo Luật Dân số quy định giải pháp có liên quan đến chính sách về bảo hiểm, đó là chính sách phát triển các loại hình bảo hiểm cho người cao tuổi; bảo đảm mọi người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế. Đề xuất thành lập Quỹ dưỡng lão để hỗ trợ chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi theo nguyên tắc đóng - hưởng; dự kiến giao cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý và triển khai loại hình này.

32. Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13

Luật Hôn nhân và gia đình quy định

- “Điều 2. *Những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình*

1. *Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.*

2. *Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, tôn giáo, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người có tín ngưỡng với người không có tín ngưỡng, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.*

3. *Xây dựng gia đình âm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con.*

4. *Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình.*

5. *Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình” (Điều 2)*

- “Điều 8. Điều kiện kết hôn

1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;

b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;

c) Không bị mất năng lực hành vi dân sự;

d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật này.

2. Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.” (Điều 8)

Để góp phần xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con, Luật Dân số quy định nội dung xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh với các nội hàm ngăn chặn phân biệt đối xử giữa con trai và con gái, bảo đảm phụ nữ và nam giới có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; Cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có trách nhiệm tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ gia đình xây dựng cuộc sống no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Các thành viên trong gia đình có trách nhiệm hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng dân số; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho từng thành viên.

Nhằm nâng cao chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống, bảo đảm hạnh phúc hôn nhân, cụ thể là: bảo đảm cuộc hôn nhân bền vững; sinh ra những đứa trẻ khỏe mạnh; phòng, tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Đến năm 2030, tỉ lệ nam nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%², nâng dần tỉ lệ thực hiện của các đối tượng sau năm 2030, Luật Dân số quy định nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ trước khi kết hôn phải thực hiện tư vấn, khám sức khỏe bao gồm những nội dung liên quan đến bệnh di truyền, bệnh lây truyền qua đường tình dục, bệnh liên quan đến thụ thai, mang thai, bệnh gây nguy hiểm cho sự phát triển bình thường của thai nhi, trẻ sơ sinh. Các đối tượng nam, nữ trước khi kết hôn được xem xét hỗ trợ chi phí tư vấn, khám sức khỏe theo quy định của Chính phủ.

Để thực hiện chính sách này, đòi hỏi phải bổ sung quy định về điều kiện kết hôn tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13: “đ) Có giấy chứng nhận tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.”.

33. Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước

² Mục tiêu của Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới.

ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13

Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam quy định:

- Quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam

“1. Người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam có các quyền sau đây:

a) Được bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng theo pháp luật Việt Nam trong thời gian cư trú trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam;

... 2. Người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật Việt Nam; tôn trọng truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán của các dân tộc Việt Nam...”

“Điều 56. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm các quy định trong lĩnh vực y tế đối với cơ sở khám, chữa bệnh có người nước ngoài làm việc.”

* Dự thảo Luật Dân số quy định: “Luật này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình và công dân Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân); tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, người nước ngoài cư trú trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.” (Khoản 2 Điều 1)

Trong Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam chưa quy định trách nhiệm của người nước ngoài có trách nhiệm thực hiện công tác dân số tại Việt Nam, do vậy dự thảo Luật Dân số quy định phạm vi áp dụng đối với cá nhân người nước ngoài hoạt động liên quan đến công tác dân số là phù hợp.

34. Luật Thi đua, khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2005/QH11 và Luật số 32/2009/QH12

Luật Thi đua, khen thưởng quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thi đua, khen thưởng. Luật xác định mục tiêu của thi đua nhằm tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến

khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Do công tác dân số có tính chất đặc thù, luôn cần động viên, khuyến khích, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách, pháp luật về dân số, vì vậy dự thảo Luật Dân số quy định một điều về khen thưởng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác dân số nhằm khuyến khích tập thể, cá nhân, gia đình thực hiện tốt công tác dân số; quy định này cụ thể hóa nội dung, hình thức khen thưởng và phù hợp với các quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

35. Luật Việc làm số 38/2013/QH13

Luật Việc làm quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm; thông tin thị trường lao động; đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; tổ chức, hoạt động dịch vụ việc làm; bảo hiểm thất nghiệp và quản lý nhà nước về việc làm.” (Điều 1). Luật Việc làm quy định một số nội dung về:

- Chính sách của Nhà nước về việc làm

“1. Có chính sách phát triển kinh tế - xã hội nhằm tạo việc làm cho người lao động, xác định mục tiêu giải quyết việc làm trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bố trí nguồn lực để thực hiện chính sách về việc làm.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia tạo việc làm và tự tạo việc làm có thu nhập từ mức lương tối thiểu trở lên nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, phát triển thị trường lao động.

3. Có chính sách hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động và bảo hiểm thất nghiệp.

4. Có chính sách đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia gắn với việc nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

5. Có chính sách ưu đãi đối với ngành, nghề sử dụng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao hoặc sử dụng nhiều lao động phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

6. Hỗ trợ người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số” (Điều 5).

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân về việc làm

“... 2. Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về việc làm; tạo việc làm; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân có trách nhiệm chủ động tìm kiếm việc làm và tham gia tạo việc làm” (Điều 8).

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn

“1. Căn cứ chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn.

2. Người lao động ở khu vực nông thôn tham gia chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm được hưởng các chế độ sau đây:

a) Hỗ trợ học nghề;

b) Tư vấn miễn phí về chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, học nghề;

c) Giới thiệu việc làm miễn phí;

Vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định tại các điều 11, 12 và 13 của Luật này.” (Điều 15).

- Hỗ trợ học nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn

“Người lao động ở khu vực nông thôn học nghề dưới 03 tháng hoặc học nghề trình độ sơ cấp ở cơ sở đào tạo nghề được hỗ trợ chi phí học nghề theo quy định của Thủ tướng Chính phủ”. (Điều 16)

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh tạo việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn

“Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh được Nhà nước hỗ trợ để phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng việc làm tại chỗ cho người lao động ở khu vực nông thôn thông qua các hoạt động sau đây:

1. Vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định tại các điều 11, 12 và 13 của Luật này;

2. Hỗ trợ cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm;

3. Miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế” (Điều 17).

- Hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên

“1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân giải quyết việc làm cho thanh niên; tạo điều kiện cho thanh niên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tạo việc làm.

2. Nhà nước hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên thông qua các hoạt động sau đây:

a) Tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm miễn phí cho

thanh niên;

b) Đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

c) Hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp” (Điều 21).

Trong dự thảo Luật Dân số có một số quy định về việc làm, tuy nhiên các quy định này làm rõ thêm cho việc tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng và nội dung tạo việc làm cho người cao tuổi; các quy định của dự thảo Luật Dân số không bị trùng lặp các quy định của Luật Việc làm.

36. Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13

Luật Khoa học và công nghệ quy định tại Điều 6 chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ như sau:

“Nhà nước thực hiện các chính sách sau đây nhằm bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu:

1. Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ; áp dụng đồng bộ cơ chế, biện pháp khuyến khích, ưu đãi nhằm phát huy vai trò then chốt và động lực của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân;

2. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ; gắn nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo tiền đề hình thành và phát triển kinh tế tri thức;

3. Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến và hiện đại, nghiên cứu làm chủ và tạo ra công nghệ mới nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của sản phẩm;

4. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, chú trọng lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm quốc gia; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để phát triển, đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực khoa học và công nghệ;

5. Tạo điều kiện phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

6. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ;

7. Khuyến khích, tạo điều kiện để hội khoa học và kỹ thuật, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia tư vấn, phản biện, giám định xã hội và hoạt động khoa học và công nghệ;

8. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ; nâng cao vị thế quốc gia về khoa học và công nghệ trong khu vực và thế giới”.

Căn cứ chính sách và các quy định có liên quan của Luật Khoa học và công nghệ, Luật Dân số quy định nghiên cứu khoa học về dân số và phát triển. Theo đó, Nhà nước có chính sách, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học về dân số và phát triển; thực hiện nghiên cứu toàn diện, đồng bộ các vấn đề dân số và phát triển, mối quan hệ, tác động giữa dân số với phát triển kinh tế - xã hội; phát triển, ứng dụng công nghệ y - sinh học trong nâng cao chất lượng dân số...

37. Luật Thủ đô 25/2012/QH13

Luật Thủ đô dành riêng một điều về quản lý dân cư, trong đó đề cập đến vấn đề quản lý quy mô, cơ cấu và mật độ dân số, kiểm soát di cư tự phát vào nội thành và việc đăng ký thường trú ở ngoại thành và nội thành; quy định Biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch như sau:

“1. Trong nội thành không mở rộng diện tích sử dụng đất và quy mô giường bệnh của các bệnh viện hiện có; không xây dựng mới khu công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không có trụ sở chính ở nội thành thì không được đặt địa điểm đào tạo trong nội thành.

Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp và lộ trình di dời một số cơ sở sản xuất công nghiệp ra khỏi nội thành; di dời một số bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ra khỏi nội thành hoặc xây dựng cơ sở khác của các bệnh viện, cơ sở này ở bên ngoài nội thành.”. (Điều 9)

Luật Dân số không quy định việc hạn chế quyền tự do cư trú, đi lại của công dân mà tôn trọng quyền tự do đi lại, cư trú của công dân theo quy định của pháp luật. Vận dụng Luật Thủ đô, Luật Dân số quy định biện pháp phân bố dân số đô thị để giảm thiểu ảnh hưởng của các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy mô lớn làm tăng cao mật độ dân số; đồng thời thực hiện các biện pháp di dời một số cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

38. Luật Phổ biến giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13

Luật Phổ biến giáo dục pháp luật số quy định nguyên tắc phổ biến, giáo dục pháp luật và nội dung quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật như sau:

- “Điều 5. Các nguyên tắc phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Chính xác, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực.

2. Kịp thời, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm.

3. Đa dạng các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, phù hợp với nhu cầu, lứa tuổi, trình độ của đối tượng được phổ biến, giáo dục pháp luật và truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc.

4. Gắn với việc thi hành pháp luật, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước, của địa phương và đời sống hằng ngày của người dân.

5. Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, tổ chức, gia đình và xã hội.”

- “Điều 6. Quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Nội dung quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật bao gồm:

a) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

c) Bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật;

d) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

đ) Thống kê, tổng kết về phổ biến, giáo dục pháp luật;

e) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong phổ biến, giáo dục pháp luật;

g) Hợp tác quốc tế về phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật bao gồm:

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật;

b) Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật; chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn về phổ biến, giáo dục pháp luật; chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

c) Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật;

d) Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương.”

Vận dụng các nguyên tắc phổ biến, giáo dục pháp luật và nội dung quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật của Luật Phổ biến giáo dục pháp

luật để Luật Dân số quy định về:

- Nội dung quản lý nhà nước về công tác dân số (bao gồm tổ chức, quản lý và thực hiện tuyên truyền vận động, truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về dân số).

- Trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Bộ Y tế (bao gồm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về dân số. Tổ chức, quản lý và thực hiện tuyên truyền vận động, truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về dân số).

- Trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Bộ, cơ quan ngang Bộ (bao gồm tuyên truyền vận động, truyền thông, giáo dục về dân số cho đối tượng thuộc quyền quản lý).

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về công tác dân số (bao gồm tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân số; phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số cho các thành viên thuộc quyền quản lý).

- Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp về công tác dân số (bao gồm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án về dân số và các biện pháp thực hiện công tác dân số trên địa bàn theo phân công, phân cấp; chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trong việc thực hiện các mục tiêu về dân số).

- Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận về công tác dân số (bao gồm tuyên truyền, vận động hội viên của các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và toàn xã hội thực hiện chính sách, pháp luật về dân số).

39. Luật Giá số 11/2012/QH13

Căn cứ quy định của Luật Giá để xây dựng các quy định hỗ trợ của Luật Dân số nhằm thực hiện chính sách dân số, bao gồm các quy định thực hiện biện pháp điều chỉnh mức sinh; cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; cung cấp dịch vụ tư vấn, tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh và sơ sinh; cung cấp dịch vụ thân thiện về kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản cho người chưa thành niên và các dịch vụ dân số khác (Giá dịch vụ cơ bản x đối tượng).

40. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13

Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá quy định về các biện pháp giảm nhu cầu sử dụng thuốc lá, biện pháp kiểm soát nguồn cung cấp thuốc lá và điều kiện bảo đảm để phòng, chống tác hại của thuốc lá.

Thuốc lá là nguy cơ lớn nhất đối với sức khỏe con người và là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tử vong sớm trên toàn thế giới. Các nghiên cứu cho thấy hơn 90% các ca ung thư phổi, 75% các ca bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và 25% trường hợp bệnh tim thiếu máu cục bộ do sử dụng thuốc lá gây ra.³ Luật phòng, chống tác hại thuốc lá số 09/2012/QH13 ngày 18/6/2012 “*quy định về các biện pháp giảm nhu cầu sử dụng thuốc lá, biện pháp kiểm soát nguồn cung cấp thuốc lá và điều kiện bảo đảm để phòng, chống tác hại của thuốc lá*” (Điều 1). Luật cũng quy định nội dung truyền thông, giáo dục về “*Tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe của người sử dụng, trẻ em, phụ nữ mang thai, người khác chịu ảnh hưởng của khói thuốc lá, môi trường sống và kinh tế - xã hội*” (Điểm b, Khoản 2). Và để bảo vệ các cá nhân khỏi tác động của thuốc lá, Luật đã quy định những địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn (Điều 11)

Ngoài ra, để giảm tác hại của thuốc lá đối với nhóm dân số đặc thù như: trẻ em, phụ nữ mang thai, người bệnh, người cao tuổi, Luật cũng quy định nghĩa vụ của người hút thuốc lá “*Không hút thuốc lá trong nhà khi có trẻ em, phụ nữ mang thai, người bệnh, người cao tuổi*” (Khoản 2, Điều 13).

Như vậy, có thể thấy rằng cũng giống như Luật Phòng, chống tác hại rượu, bia, việc dẫn thực hiện Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng dân số nêu trong dự thảo Luật Dân số, thông qua việc giảm thiểu tác động gây hại đến sức khỏe của người dân.

41. Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 / 42. Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13

Khoản 3 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Không quy định chương riêng về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm trong văn bản quy phạm pháp luật nếu không có nội dung mới*”. Do đối tượng áp dụng của Luật Dân số liên quan mật thiết đến công dân là chủ thể của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, đồng thời quy định phục vụ công tác tuyên truyền vận động, truyền thông, giáo dục về dân số nên dự thảo Luật Dân số chỉ quy định việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính về dân số; việc tố cáo và giải quyết tố cáo vi phạm pháp luật về dân số được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, pháp luật về tố cáo.

43. Luật Phòng, chống mua bán người

Thực hiện chính sách duy trì mức sinh thay thế, khuyến khích sinh con tại vùng, tỉnh thành phố có mức sinh thấp, Luật Dân số quy định tư vấn, hỗ trợ kết nối hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện; trường hợp tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và

³ Chương trình PCTH thuốc lá quốc gia (VINACOSH), Hỏi và Đáp về phòng chống tác hại của thuốc lá tại Việt Nam, 47 trang

gia đình có yếu tố nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Để phòng, chống mua bán người, Luật Dân số quy định cấm cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình trái quy định của Luật này và các luật khác có liên quan; không phù hợp với văn hóa, truyền thống của người Việt Nam. Quy định này góp phần thực hiện chính sách phòng, chống mua bán người của Đảng và Nhà nước ta.

44. Luật Thanh tra số 56/2010/QH12

Một trong các nội dung quản lý nhà nước về công tác dân số được Luật Dân số quy định là “Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về dân số”. Ngoài ra, nhiều giải pháp thực hiện công tác dân số đề cao công cụ thanh tra, kiểm tra. Vì vậy, việc rà soát Luật Thanh tra giúp xây dựng các quy định của Luật Dân số thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật thanh tra, bao gồm các nội dung:

- Tổ chức, thực hiện kiểm tra, thanh tra chuyên ngành dân số; xử lý nghiêm vi phạm theo quy định của Luật Dân số và pháp luật có liên quan.

- Cơ quan quản lý nhà nước về dân số thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra chất lượng phương tiện tránh thai; sản phẩm ứng dụng xác định phụ nữ có thai, các bệnh lý về sinh sản; chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, hỗ trợ sinh sản, dịch vụ thân thiện cho người chưa thành niên; thanh tra, kiểm tra quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ liên quan đến kế hoạch hóa gia đình; thanh tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến đăng ký đất đai, bạo lực giới, hôn nhân, thừa kế.

- Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra chuyên ngành dân số.

45. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12

Luật Khám bệnh, chữa bệnh quy định quyền và nghĩa vụ của người bệnh, người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; điều kiện đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; quy định chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh; áp dụng kỹ thuật, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh; sai sót chuyên môn kỹ thuật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp trong khám bệnh, chữa bệnh; điều kiện bảo đảm công tác khám bệnh, chữa bệnh”. Luật quy định sáu nguyên tắc trong hành nghề khám, chữa bệnh:

“1. Bình đẳng, công bằng và không kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người

bệnh.

2. Tôn trọng quyền của người bệnh; giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án,...

3. Kịp thời và tuân thủ đúng quy định chuyên môn kỹ thuật

4. Ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp cấp cứu, trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng, người từ đủ 80 tuổi trở lên, người có công với cách mạng, phụ nữ có thai.

5. Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề.

6. Tôn trọng, hợp tác và bảo vệ người hành nghề khi làm nhiệm vụ (Điều 3).

- Do lĩnh vực dân số có nhiều dịch vụ liên quan đến y tế, đến công tác khám bệnh, chữa bệnh. Vì vậy, Luật Dân số quy định áp dụng các quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh nhưng không trùng lặp với quy định của Luật. Theo đó, ngoài việc quy định về nội dung của Luật Dân số, quy định về trách nhiệm yêu cầu người cung cấp dịch vụ, cơ sở, điểm cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật khám bệnh, chữa bệnh, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và các quy định khác có liên quan; việc thực hiện thủ tục hành chính trong một số trường hợp như một ca khám bệnh, chữa bệnh.

46. Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12

Luật Người cao tuổi quy định về quyền và nghĩa vụ của người cao tuổi; trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc phụng dưỡng, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; Hội người cao tuổi Việt Nam.

Luật Người cao tuổi không đề cập đến vai trò của người cao tuổi trong công tác DS-KHHGD, đến vấn đề chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi. Mặc dù trong Luật này có đề cập đến quyền của người cao tuổi trong việc được bảo đảm quyền được chăm sóc sức khỏe “a. Được bảo đảm các nhu cầu cơ bản về..., chăm sóc sức khỏe; ...g) Được ưu tiên..., chăm sóc sức khỏe và chỗ ở nhằm khắc phục khó khăn ban đầu khi gặp khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc rủi ro bất khả kháng khác;” (Điểm a và g, Khoản 1, Điều 3) và có một mục riêng về chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi với 2 Điều 12 và 13 trong Mục 2 của Luật.

Dự thảo Luật Dân số quy định về các biện pháp thích ứng với già hóa dân số, dân số già, bao gồm: Xây dựng xã hội thích ứng với già hóa dân số, dân số già; Chăm sóc dài hạn người cao tuổi... Đây là những nội dung mới so với Luật Người Cao tuổi.

47. Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12

Luật Quy hoạch đô thị điều chỉnh “*về hoạt động quy hoạch đô thị gồm lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị; tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch đô thị đã được phê duyệt*” (Điều 1).

Trong Luật này, trong số 5 tiêu chí để phân loại đô thị thì có tới hai tiêu chí liên quan đến dân số, bao gồm: quy mô dân số và mật độ dân số (Khoản 1, Điều 4). Cũng trong Luật Quy hoạch đô thị 2009, quy mô dân số được đưa vào là một chỉ tiêu trong xây dựng Đồ án quy hoạch chung ở các cấp: thành phố trực thuộc trung ương (Điều 25); thành phố thuộc tỉnh, thị xã (Điều 26); thị trấn (Điều 27); Đồ án quy hoạch phân khu (Điều 29). Chỉ tiêu dân số cũng được đưa vào nội dung Đồ án quy hoạch chi tiết (Điều 30).

Trong dự thảo Luật Dân số quy định một chương về phân bố dân số. Nội dung quy định trong chương này về yêu cầu phân bố dân số hợp lý, biện pháp điều chỉnh phân bố dân số hợp lý trên góc độ tổng thể của vùng, khu vực, địa phương, bảo đảm cho việc xem xét, phân tích, điều chỉnh vấn đề dân số theo nhiều khía cạnh khác nhau, vừa tôn trọng sự phát triển của các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, vừa bảo đảm được sự phân bố dân số phù hợp với kinh tế - xã hội và quan trọng hơn là sự phát triển bền vững.

Các quy định bảo đảm cho một vùng, khu vực, địa phương kiểm soát được sự phân bố dân số hợp lý và đưa ra các biện pháp để giải quyết các vấn đề, bảo đảm cho dân số phù hợp với kinh tế - xã hội; bảo đảm cho việc kiểm soát việc vận động dân di chuyển nơi cư trú, ngăn chặn tình trạng dọ dẫm, lôi kéo di dân trái pháp luật.

Như vậy, có thể nói giữa quy định của dự thảo Luật Dân số và Luật Quy hoạch đô thị có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong nội dung liên quan đến phân bố dân cư nhưng không trùng lặp.

48. Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 và Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12

Luật Bảo hiểm y tế quy định về chế độ, chính sách bảo hiểm y tế, bao gồm đối tượng, mức đóng, trách nhiệm và phương thức đóng bảo hiểm y tế; thẻ bảo hiểm y tế; phạm vi được hưởng bảo hiểm y tế; tổ chức khám bệnh, chữa bệnh cho người tham gia bảo hiểm y tế; thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; quỹ bảo hiểm y tế; quyền và trách nhiệm của các bên liên quan đến bảo hiểm y tế. Luật Bảo hiểm y tế quy định:

- Phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế (Điều 21)

“1. Người tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế chi trả các chi phí sau đây:

a) Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, khám thai định kỳ, sinh con;

b)25 (được bãi bỏ)

b)26 Vận chuyển người bệnh từ tuyến huyện lên tuyến trên đối với đối tượng quy định tại các điểm a, d, e, g, h và i khoản 3 Điều 12 của Luật này trong trường hợp cấp cứu hoặc khi đang điều trị nội trú phải chuyển tuyến chuyên môn kỹ thuật.

2.27 Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế.”

- Các trường hợp không được hưởng bảo hiểm y tế (Điều 23)

“1. Chi phí trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 đã được ngân sách nhà nước chi trả.

2. Điều dưỡng, an dưỡng tại cơ sở điều dưỡng, an dưỡng.

3. Khám sức khỏe.

4. Xét nghiệm, chẩn đoán thai không nhằm mục đích điều trị.

5. Sử dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, nạo hút thai, phá thai, trù trường hợp phải đình chỉ thai nghén do nguyên nhân bệnh lý của thai nhi hay của sản phụ.

6. Sử dụng dịch vụ thẩm mỹ.

7.29 Điều trị lác, cận thị và tật khúc xạ của mắt, trù trường hợp trẻ em dưới 6 tuổi.

8. Sử dụng vật tư y tế thay thế bao gồm chân tay giả, mắt giả, răng giả, kính mắt, máy trợ thính, phương tiện trợ giúp vận động trong khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng.

9.30 Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng trong trường hợp thảm họa.

10.31 (được bãi bỏ)

11. Khám bệnh, chữa bệnh nghiện ma túy, nghiện rượu hoặc chất gây nghiện khác.

12.32 (được bãi bỏ)

13. Giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

14. Tham gia thử nghiệm lâm sàng, nghiên cứu khoa học.”

Trong dự thảo Luật Dân số quy định một số nội dung được thanh toán chi phí từ quỹ bảo hiểm y tế liên quan đến chính sách tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tư vấn, tầm soát chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; đồng thời Luật quy định “*bảo đảm mọi người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế*”

Luật Bảo hiểm y tế chưa đưa trường hợp này được hưởng chế độ bảo hiểm y tế. Do vậy việc bổ sung một số nội dung chi trả như: gói dịch vụ cơ bản về tư vấn, khám sức khỏe cho nam, nữ trước khi kết hôn; gói dịch vụ cơ bản về tầm soát, chẩn đoán bệnh tật trước sinh và sơ sinh cho bà mẹ mang thai và trẻ sơ sinh trong dự thảo Luật Dân số là cần thiết và phù hợp với thực tế với công tác dân số hiện nay theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW.

49. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định về các hành vi bạo lực gia đình, bao gồm các nhóm hành vi:

“a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;

b) Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

c) Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;

d) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;

đ) Cường ép quan hệ tình dục;

e) Cường ép tảo hôn; cường ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;

g) Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;

h) Cường ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;

i) Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

(Khoản 1, Điều 2)

Cũng trong Luật này, “*kiến thức về hôn nhân và gia đình; kỹ năng ứng xử, xây dựng gia đình văn hoá*” được quy định là một trong sáu nội dung thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình (Khoản 5, Điều 10).

Thực hiện mục tiêu chính sách bình đẳng giới, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản pháp luật, Luật Dân số quy định hành vi nghiêm cấm kỳ thị, phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người sinh con một bề. Ép buộc, xúi giục người khác lựa chọn giới tính thai nhi, phá thai vì giới tính của thai nhi.

Quy định đưa các nội dung về xóa bỏ phân biệt, định kiến giới, trọng nam hơn nữ, kỳ thị con gái hoặc con trai và các nội dung liên quan vào hương ước, quy ước; chương trình giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện thanh tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến đăng ký đất đai, bạo lực giới, hôn nhân, thừa kế.

Các quy định trong dự thảo Luật Dân số với Luật Phòng, chống bạo lực gia đình không có mâu thuẫn hay trùng lặp.

50. Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11

Luật Thể dục, Thể thao quy định chính sách của Nhà nước về “*phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực, tâm vóc người Việt Nam, góp phần cải thiện đời sống văn hoá, tinh thần cho nhân dân, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về thể thao, nâng cao sự hiểu biết giữa các quốc gia, dân tộc phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*” (Khoản 1, Điều 4, Luật Thể dục, thể thao 2006).

Dự thảo Luật Dân số quy định một chương về chất lượng dân số. Các nội dung trong chương này quy định cụ thể hóa các biện pháp, trách nhiệm nhằm nâng cao chất lượng dân số và quy định cụ thể nội dung nâng cao chất lượng dân số theo vòng đời và không trùng lặp với nội dung quy định của Luật Thể dục, Thể thao.

51. Luật hiến, lấy, ghép mô và bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác số 75/2006/QH11 ngày 29/11/2006

- Trong Luật về hiến, lấy, ghép mô và bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác quy định hành vi bị nghiêm cấm:

“Điều 11. Các hành vi bị nghiêm cấm

...7. Cấy tinh trùng, noãn, phôi giữa những người cùng dòng máu về trực hệ và giữa những người khác giới có họ trong phạm vi ba đời....”

Như vậy dự thảo Luật Dân số quy định về biện pháp phòng tránh vô sinh, sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và không có sự xung đột với Luật về hiến, lấy, ghép mô và bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác.

52. Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11

Vấn đề dân số và bình đẳng giới là hai vấn đề song hành có những tác động qua lại lẫn nhau trong xu thế phát triển. Bình đẳng giới là cũng là mục tiêu của công tác dân số, giúp phát huy vai trò tích cực của mỗi giới trong sự phát triển của gia đình, xã hội và đất nước. Trong lĩnh vực dân số, việc xác định vị trí, vai trò của nam và nữ rất quan trọng để tạo điều kiện cho họ tham gia bình đẳng các mối quan hệ xã hội. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng Dự án Luật Dân số hướng tới các mục tiêu sau:

- Cụ thể hóa các quy định về bảo vệ quyền con người, nguyên tắc bình đẳng giới đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, Luật Bình đẳng giới và các văn bản pháp luật khác có liên quan (Bộ luật Lao động, Bộ luật Hình sự 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015...).

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong các quy định của dự thảo Luật Dân số với các quy định pháp luật hiện hành về bình đẳng giới.

- Bảo đảm thực hiện các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới; bảo đảm bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao; y tế và gia đình

- Bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Dự thảo Luật Dân số đã thực hiện Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong nhiều quy định, bao gồm:

- Quy mô dân số, kế hoạch hoá gia đình (*Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quy định về biện pháp điều chỉnh mức sinh; Lồng ghép các nội dung về điều chỉnh mức sinh, kế hoạch hóa gia đình; ... hỗ trợ các cặp vợ chồng sinh đủ hai con trong xây dựng, triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội...*)

- Cơ cấu dân số (*Quy định về nội dung cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; Quy định về điều chỉnh cơ cấu dân số, tận dụng lợi thế và thích ứng với sự thay đổi cơ cấu dân số; Quy định về bảo đảm cơ cấu dân số hợp lý; Quy định về biện pháp ngăn chặn việc lựa chọn giới tính thai nhi bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh theo quy luật sinh sản tự nhiên...*)

- Phân bố dân số (*Tôn trọng quyền tự do đi lại, cư trú của công dân theo quy định của pháp luật; Bảo đảm người dân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em được tiếp cận đầy đủ và công bằng với các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin và thụ hưởng thành quả của phát triển...*)

- Nâng cao chất lượng dân số (*Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quy*

định về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững ...)

53. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989

Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân quy định một số nội dung liên quan đến công tác dân số như sau:

- Thực hiện kế hoạch hoá gia đình (Điều 43)

“1. Mọi người có trách nhiệm thực hiện kế hoạch hoá gia đình, có quyền lựa chọn biện pháp sinh đẻ có kế hoạch theo nguyện vọng. Mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ một đến hai con.

2. Nhà nước có chính sách, biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện cần thiết cho mọi người thực hiện kế hoạch hoá gia đình. Các cơ sở chuyên khoa phụ sản của Nhà nước, tập thể và tư nhân phải thực hiện yêu cầu của mọi người về việc lựa chọn biện pháp sinh đẻ có kế hoạch theo nguyện vọng.

3. Các cơ quan y tế, văn hoá, giáo dục, thông tin đại chúng và các tổ chức xã hội có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục kiến thức về dân số và kế hoạch hoá gia đình cho nhân dân.

4. Nghiêm cấm hành vi gây trở ngại hoặc cưỡng bức trong việc thực hiện kế hoạch hoá gia đình.”

- Quyền của phụ nữ được khám bệnh, chữa bệnh phụ khoa và nạo thai, phá thai (Điều 44)

“1. Phụ nữ được quyền nạo thai, phá thai theo nguyện vọng, được khám bệnh, chữa bệnh phụ khoa, được theo dõi sức khỏe trong thời kỳ thai nghén, được phục vụ y tế khi sinh con tại các cơ sở y tế.

2. Bộ Y tế có trách nhiệm củng cố, phát triển mạng lưới chuyên khoa phụ sản và sơ sinh đến tận cơ sở để bảo đảm phục vụ y tế cho phụ nữ.

3. Nghiêm cấm các cơ sở y tế và cá nhân làm các thủ thuật nạo thai, phá thai, tháo vòng tránh thai nếu không có giấy phép do Bộ Y tế hoặc Sở Y tế cấp”

Qua rà soát các quy định nêu trên, Luật Dân số quy định biện pháp, trách nhiệm của Nhà nước, cá nhân, gia đình và xã hội trong việc thực hiện kế hoạch hoá gia đình nhằm duy trì mức sinh thay thế. Quy định chính sách phá thai an toàn dựa trên cơ sở phụ nữ được quyền nạo thai, phá thai theo nguyện vọng của Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân.

54. Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14

Pháp lệnh quy định về phạm vi, đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, các chế

độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ; nguồn lực thực hiện; quản lý nhà nước; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân, của người có công với cách mạng.

Pháp lệnh quy định điều kiện, tiêu chuẩn người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (Điều 29):

“1. Người đã công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 8 năm 1961 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 tại vùng mà quân đội Mỹ đã sử dụng chất độc hóa học ở chiến trường B, C, K và một số địa danh thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị bị nhiễm chất độc hoá học dẫn đến một trong các trường hợp sau thì được cơ quan có thẩm quyền cấp “Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học”:

a) Mắc bệnh có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21 % trở lên;

b) Vô sinh;

c) Sinh con dị dạng, dị tật.

2. Chính phủ quy định chi tiết địa danh thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị và Danh mục bệnh, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hoá học quy định tại Điều này”.

Pháp lệnh quy định chế độ ưu đãi đối với thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (Điều 31):

“1. Trợ cấp hàng tháng đối với con đẻ bị dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên.

2. Bảo hiểm y tế đối với những người sau đây:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 06 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên;

b) Con đẻ quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Người phục vụ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên sống ở gia đình.

3. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp tuất như sau:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều

169 của Bộ luật Lao động, con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng;

b) Cha đẻ, mẹ đẻ sống cô đơn, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động sống cô đơn, con mồ côi cả cha mẹ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng và trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng.

4. Chế độ ưu đãi quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Pháp lệnh này đối với con đẻ quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Chế độ ưu đãi quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 5 của Pháp lệnh này đối với con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

6. Trợ cấp một lần đối với thân nhân với mức bằng 03 tháng trợ cấp hằng tháng hiện hưởng khi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con đẻ đang hưởng trợ cấp hằng tháng chết.

7. Trợ cấp mai táng đối với người hoặc tổ chức thực hiện mai táng trong trường hợp sau đây:

a) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng chết;

b) Con đẻ quy định tại khoản 1 Điều này chết.”

Trong dự thảo Luật Dân số có quy định về việc miễn phí gói dịch vụ cơ bản về tầm soát, chẩn đoán vô sinh thông qua bảo hiểm y tế cho người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và thân nhân của họ; người dân sinh sống tại nơi bị nhiễm chất độc hóa học (da cam/dioxin) theo quy định của pháp luật về người có công tại khoản 1 Điều 9. Quy định này phù hợp với Điều 29, 31 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Trong những năm qua, nhiều Luật chuyên ngành liên quan đến công tác dân số được ban hành, quy định của các Luật này có nội dung điều chỉnh đến công tác dân số nhưng chưa đầy đủ các nội dung của quản lý nhà nước về dân số. Từ thực tiễn như đã phân tích cho thấy giải pháp trong dài hạn là cần phải xây dựng Luật Dân số để bổ sung, điều chỉnh các mối quan hệ xã hội mà các Luật trên chưa đề cập đến nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với công tác dân số trong tình hình mới, đặc biệt là sau khi Nghị quyết số 21-NQ-TW được ban hành, giúp đất nước phát triển nhanh, bền vững.

Trên đây là tóm tắt những kết quả chính trong báo cáo rà soát dự thảo Luật Dân số với Hiến pháp năm 2013, các luật, pháp lệnh có liên quan được ban hành./.

Phụ lục

Danh mục văn bản pháp luật trong nước phục vụ rà soát xây dựng chi tiết dự thảo Luật Dân số

*(Kèm theo Báo cáo Rà soát pháp luật trong nước có liên quan về dân số
với dự thảo Luật Dân số)*

A. Hiến pháp 2013

B. Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2022 (và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội).
2. Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030
3. Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030
4. Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 69/2020/QH14
5. Luật Cư trú 68/2020/QH14
6. Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính 67/2020/QH14
7. Luật Xây dựng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 62/2020/QH14
8. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; Luật Đầu tư 61/2020/QH14
9. Luật Thanh niên 57/2020/QH14
10. Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 và Luật Viên chức số 58/2010/QH12; Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức
11. Bộ Luật Lao động 45/2019/QH14
12. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia 44/2019/QH14
13. Luật Giáo dục 43/2019/QH14

14. Luật Quy hoạch 21/2017/QH14
15. Luật Trợ giúp pháp lý 11/2017/QH14
16. Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 107/2016/QH13; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13
17. Luật Dược 105/2016/QH13
18. Luật Tiếp cận thông tin 104/2016/QH13
19. Luật Trẻ em 102/2016/QH13
20. Bộ Luật Dân sự 91/2015/QH13
21. Luật Thống kê 89/2015/QH13
22. Luật Ngân sách nhà nước 83/2015/QH13
23. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 80/2015/QH13
24. Luật Tổ chức chính quyền địa phương 77/2015/QH13
25. Luật Tổ chức chính phủ 76/2015/QH13
26. Luật Mặt trận tổ quốc Việt Nam 75/2015/QH13
27. Luật Giáo dục nghề nghiệp 74/2014/QH13
28. Luật Nhà ở 65/2014/QH13
29. Luật Hộ tịch 60/2014/QH13
30. Luật Căn cước công dân 59/2014/QH13
31. Luật Bảo hiểm xã hội 58/2014/QH13
32. Luật Hôn nhân và gia đình 52/2014/QH13
33. Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam 47/2014/QH13
34. Luật Thi đua, khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2005/QH11 và Luật số 32/2009/QH12
35. Luật Việc làm 38/2013/QH13
36. Luật Khoa học và công nghệ 29/2013/QH13
37. Luật Thủ đô 25/2012/QH13
38. Luật Phổ biến giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13
39. Luật Giá 11/2012/QH13

40. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá 09/2012/QH13
41. Luật Tố cáo 03/2011/QH13
42. Luật Khiếu nại 02/2011/QH13
43. Luật Phòng, chống mua bán người 66/2011/QH12
44. Luật Thanh tra 56/2010/QH12
45. Luật Khám bệnh, chữa bệnh 40/2009/QH12
46. Luật Người cao tuổi 39/2009/QH12
47. Luật Quy hoạch đô thị 30/2009/QH12
48. Luật Bảo hiểm y tế 25/2008/QH12
49. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 02/2007/QH12
50. Luật Thể dục, Thể thao 77/2006/QH11
51. Luật hiến, lấy, ghép mô và bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác số 75/2006/QH11 ngày 29/11/2006
52. Luật Bình đẳng giới 73/2006/QH11
53. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989
54. Pháp lệnh Ưu đãi người có công với Cách mạng số 02/2020/UBTVQH14

C. Nghị định của Chính phủ

1. Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025
2. Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động
3. Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế
4. Nghị định 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã
5. Nghị định 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.
6. Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động

7. Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch
8. Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế
9. Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về Cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
10. Nghị định 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
11. Nghị định 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế
12. Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân
13. Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư
14. Nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số
15. Nghị định 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo
16. Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình
17. Nghị định 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường
18. Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc
19. Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường
20. Nghị định 104/2003/NĐ-CP ngày 16/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số

D. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.
2. Quyết định 771/QĐ-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê

- duyet quy định về lồng ghép các yếu tố dân số
3. Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển các cấp
 4. Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030
 5. Quyết định 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030
 6. Quyết định 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030
 7. Quyết định 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030
 8. Quyết định 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030
 9. Quyết định 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030
 10. Quyết định 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030
 11. Quyết định 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030
 12. Quyết định 499/QĐ-TTg ngày 10/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người
 13. Quyết định 314/QĐ-TTg ngày 28/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch “Nâng cao năng lực nghiên cứu về dân số và phát triển đến năm 2030”
 14. Quyết định 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin.
 15. Quyết định 1457/QĐ-TTg ngày 25/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Rà soát và hoàn thiện các chính sách về di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện”
 16. Quyết định 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam
 17. Quyết định 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ

- về Xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước
18. Quyết định 468/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025
 19. Quyết định 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017
 20. Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025”
 21. Quyết định 896/QĐ-TTg ngày 8/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020
 22. Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020
 23. Quyết định 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030
 24. Quyết định 2161/QĐ-TTg ngày 26/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Tháng hành động Quốc gia về dân số
 25. Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 19/5/1997 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Dân số Việt Nam

Đ. Thông tư, Quyết định, Văn bản của Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Thông báo 84/TB-VPCP ngày 30/4/2021 của Văn phòng Chính phủ Thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại cuộc họp về định hướng nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025
2. Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế Hướng dẫn nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số
3. Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số
4. Thông tư 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ LĐTBXH Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con
5. Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 30/9/2020 của Bộ Y tế Ban hành tạm thời bổ sung danh mục kỹ thuật áp dụng trong hội chẩn, tư vấn khám,

chữa bệnh từ xa

6. Quyết định 3718/QĐ-BYT ngày 28/8/2020 của Bộ Y tế Ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2020-2025
7. Quyết định 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ Y tế Ban hành Hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh
8. Thông tư 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 của Bộ Y tế Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh
9. Thông tư 14/2019/BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp do Bộ Y tế ban hành
10. Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BNV ngày 16/4/2019 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố
11. Văn bản hợp nhất 02/VBHN-BYT ngày 30/01/2019 của Bộ Y tế Quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai vì mục đích nhân đạo
12. Thông tư 07/2018/TT-BYT ngày 12/4/2018 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số Điều về kinh doanh dược của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Dược
13. Thông tư 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ Y tế Hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh
14. Thông tư 07/2017/TT-BYT ngày 03/05/2017 của Bộ Y tế Ban hành danh mục thuốc không kê đơn
15. Quyết định 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ Y tế về Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản
16. Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
17. Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020
18. Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng

19. Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
20. Thông tư 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người cao tuổi
21. Quyết định 714/QĐ-BYT ngày 02/3/2010 của Bộ Y tế Ban hành quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật phương tiện tránh thai sử dụng trong Chương trình Mục tiêu quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình
22. Quyết định 573/2010/QĐ-BYT ngày 11/02/2010 của Bộ Y tế Ban hành quy trình sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh